

Bản án số: 47/2017/HSST
Ngày 25-7- 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚC YÊN- TỈNH VĨNH PHÚC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Minh Phú và bà Doãn Thị Vệ.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Hiệp, cán bộ Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phúc Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Dung- Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 7 năm 2017 tại Nhà văn hóa tổ dân phố X, phường P, thị xã Y, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 41/2017/HSST ngày 04 tháng 7 năm 2017 đối với:

Bị cáo: Đinh Văn T (tên gọi khác: C), sinh năm 1990; Trú tại Tổ dân phố Đ, phường X, thị xã Y, tỉnh Vĩnh Phúc; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hoá: 05/12; con ông Đinh Văn L và bà Nguyễn Thị U (bố mẹ đẻ đã ly hôn); có vợ là Nguyễn Thị H và có 02 con (lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2014); Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

* Người bị hại:

1. Ông Đinh Văn L, sinh năm 1960 (có mặt)

2. Bà Lăng Thị B, sinh năm 1980 (có mặt)

Đều trú tại: phường Đ, thị xã Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lê Sỹ N, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Trú tại: Thôn N, xã T, huyện M, TP. Hà Nội.

2. Anh Nguyễn Chí H, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Trú tại: Tổ 16, phường H, thị xã Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Chị Đinh Thị H, sinh năm 1988 (có mặt)

Trú tại: Thôn L, xã T, huyện M, TP. Hà Nội

* Người làm chứng:

Anh Nguyễn Văn H (tên khác: T), sinh năm 1981 (vắng mặt)

Trú tại: Thôn L, xã M, huyện S, TP. Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14h ngày 21 tháng 3 năm 2017, Đinh Văn T (tức C) thấy nhà bố đẻ của mình là ông Đinh Văn L giáp nhà T không có ai ở nhà nên T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của gia đình ông L. T đi qua khe đất trống giữa nhà T với nhà ông L đến vị trí cửa ngách phía sau nhà ông L thì thấy cửa này đóng chốt, T đẩy cửa vào bên trong tạo khe hở rồi dùng ngón tay trở và giữa cửa bàn tay trái kéo then sắt ra khỏi chốt ngang phía bên trong và mở cửa đi vào phòng ngủ của vợ chồng ông L. Tại đây, T dùng hai tay lật 01 chiếc kết sắt, nhãn hiệu Việt Tiệp, loại 100kg nằm ngang ra nền nhà rồi quay xuống bếp lấy 01 búa tạ mang lên đập bung phần đầu của kết sắt và lục tìm tài sản nhưng không lấy được tài sản gì. T tiếp tục đi ra phòng khách, thấy có 01 chiếc xe mô tô Wave, nhãn hiệu Honda BKS 88H1 – 165.41 đang dựng, T quay lại phòng ngủ tìm chìa khóa xe máy trong túi áo khoác của bà Lăng Thị B là vợ ông (mẹ kế của T). Sau đó T dùng chìa khóa mở cốp (yên) xe mô tô BKS 88H1-165.41, thấy bên trong có 01 đăng ký xe mang tên Đinh Văn L và 01 giấy phép lái xe mô tô mang tên Lăng Thị B. T đóng cốp xe lại rồi dắt xe qua cửa ngách ra ngoài. Lấy được xe, T phóng đến cửa hàng sửa chữa xe máy của anh Lê Sỹ N và nói là xe T được ông L cho nay không dùng nữa nên bán, anh N không mua. T nhờ anh N tìm người mua xe giúp, anh N đưa T đến cửa hàng sửa chữa xe máy của anh Nguyễn Chí H. Sau khi xem xe anh H thống nhất mua chiếc xe của T với giá 13.000.000đ, T nhận đủ số tiền 13.000.000đ có gia lộc cho anh H 200.000đ và trên đường về T cho anh N tiền công giới thiệu bán xe 550.000đ, số tiền còn lại T đã ăn tiêu cá nhân hết. Khoảng 17h30' cùng ngày, vợ chồng ông L đi làm về phát hiện bị mất xe nên sáng ngày 22/3/2017 đã đến trình báo cơ quan công an.

Ngày 24 tháng 3 năm 2017, T gặp chị gái là Đinh Thị H hỏi vay tiền để chuộc lại xe đem về trả cho ông L. Chị H đồng ý, T đưa chị H đến cửa hàng của anh Nguyễn Chí H mua lại chiếc xe Wave, BKS 88H1-165.41, vì chiếc xe máy trên anh H đã phải bảo dưỡng và thay một số phụ nên anh H bán lại xe cho chị H và T với giá 14.200.000đ. Sau đó T nhờ chị H mang xe về trả cho ông L, ngày 25/3/2017 T đến cơ quan Công an thị xã Phúc Yên đầu thú về hành vi phạm tội của mình.

* Vật chứng thu giữ gồm:

01 kết sắt, nhãn hiệu Việt Tiệp, loại 100kg, bị phá rách phần đầu; 01 xe mô tô Wave, nhãn hiệu Honda BKS 88H1 - 165.41 cùng 01 giấy đăng ký mang tên Đinh Văn L; 01 giấy phép lái xe mang tên Lăng Thị B; 01 chùm chìa khóa xe máy; 01 búa tạ, đầu búa bằng kim loại KT (7x7x16) cm, chuôi bằng gỗ dài 52 cm, đường kính 04 cm. Các vật chứng này cơ quan điều tra đã trả lại cho ông L và bà B, đến nay không có yêu cầu gì. Ông L và bà B xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Thu giữ của anh Nguyễn Chí H số tiền 200.000đ, của anh Lê Sỹ N số tiền 550.000đ là tiền T cho hai anh khi bán xe. Anh H và anh N xác định đây là tiền do T phạm tội mà có nên đều tự nguyện nộp cho cơ quan điều tra để sung quỹ nhà nước.

Tại kết luận định giá số: 12/KLĐG ngày 28/3/2017, Hội đồng định giá tài sản thị xã Y, kết luận 01 xe Wave, nhãn hiệu Honda, BKS 88H1-165.41 T đã trộm cắp có trị giá 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng). Tại kết luận định giá số: 29/KLĐG ngày 02/6/2017, Hội đồng định giá tài sản thị xã Y, kết luận 01 chiếc kết sắt, loại 100kg, nhãn hiệu Việt Tiệp đã bị T đập phá, trị giá 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng).

Đối với anh Lê Sỹ N và Nguyễn Chí H quá trình điều tra xác định khi giới thiệu và mua bán xe anh N và anh H đều không biết xe mô tô Wave BKS 88H1-165.41 là do T trộm cắp mà có, do vậy cơ quan điều tra không đề nghị xử lý.

Đối với chiếc kết sắt T làm hư hỏng của gia đình ông L, có giá trị 600.000đ là vi phạm pháp luật nhưng chưa đủ yếu tố cấu thành tội hủy hoại tài sản nên ngày 13 tháng 6 năm 2017 cơ quan điều tra đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với T số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) T đã nộp phạt.

Đối với số tiền 14.200.000đ, Đình Văn T vay của chị Đình Thị H để mua lại xe đem về trả cho ông L, quá trình giải quyết vụ án chị H xác định cho T số tiền trên và không đề nghị T phải hoàn trả lại.

Quá trình điều tra, Đình Văn T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số: 47/KSĐT ngày 03 tháng 7 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Y đã truy tố Đình Văn T về tội “ Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”, áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự; xử phạt T từ 09 tháng đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án. Ngoài ra Viện kiểm sát còn đề nghị xử lý vật chứng như Bản cáo trạng đã đề cập.

Căn cứ vào các chứng và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Y, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Y, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Lời khai nhận tội của bị cáo Đinh Văn T tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng về thời gian, địa điểm, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 14h ngày 21/3/2017 tại D, phường Đ, thị xã Y, tỉnh Vĩnh Phúc Đinh Văn T đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô Wave, nhãn hiệu Honda, Biển kiểm soát 88H1-165.41 của ông Đinh Văn L và bà Lăng Thị B; trị giá chiếc xe mô tô bị trộm cắp là 13.000.000đ (mười ba triệu đồng). Tài sản trên đã thu hồi và trả lại cho người bị hại.

Hành vi nêu trên của bị cáo T đã phạm vào tội trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự, điều luật quy định như sau. *“Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”*

Bị cáo đã thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, ảnh hưởng trật tự an ninh xã hội địa phương, vì vậy cần phải xử lý nghiêm minh tương ứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Xét nhân thân bị cáo T thì thấy rằng: Bị cáo hiện không có nghề nghiệp ổn định, vì muốn có tiền tiêu xài nên đã trộm cắp tài sản của chính bố đẻ của mình. Bị cáo thực hiện hành vi của mình rất liều lĩnh, với mục đích trộm cắp tài sản của người thân, bị cáo đã có hành vi dùng búa tạ đập bung phần đầu của một chiếc kết sắt và lục tìm tài sản để trộm cắp sản nhưng không có. Nên bị cáo tiếp tục trộm cắp chiếc xe mô tô của bố mình. Chiếc kết sắt bị phá giá trị là 600.000đ chưa đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự, do vậy bị cáo đã bị Công an xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này. Nhưng khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cũng xem xét, bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; sau khi phạm tội bị cáo đã vay tiền của chị gái để mua lại chiếc xe trả cho người bị hại, bị cáo đã ra đầu thú và nay người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm

nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo thành người có ích cho xã hội và phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Qua xác minh bị cáo làm nghề tự do thu nhập không ổn định, bị cáo không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phù hợp.

* Về vật chứng của vụ án:

01 két sắt, 01 xe mô tô Wave, nhãn hiệu Honda BKS 88H1 - 165.41, 01 giấy đăng ký xe mang tên Đinh Văn L; 01 giấy phép lái xe mang tên Lăng Thị B; 01 chùm chìa khóa xe máy; 01 búa tạ cơ quan Công an đã trả lại cho người bị hại, nay người bị hại không có yêu cầu bồi thường gì và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Số tiền 750.000đ thu giữ của anh Nguyễn Chí H và của anh Lê Sỹ N là tiền do T phạm tội mà có cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với anh Lê Sỹ N, Nguyễn Chí H: Quá trình điều tra xác định khi giới thiệu và mua bán xe anh N và anh H đều không biết xe mô tô Wave BKS 88H1-165.41 là do T trộm cắp mà có, do vậy cơ quan điều tra không đề nghị xử lý là có căn cứ .

Đối với chiếc két sắt T làm hư hỏng của gia đình ông L, có giá trị 600.000đ là vi phạm pháp luật, nhưng chưa đủ yếu tố cấu thành tội hủy hoại tài sản nên ngày 13/6 /2017 cơ quan điều tra đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với T số tiền 2.000.000đ là có căn cứ.

Đối với số tiền 14.200.000đ, Đinh Văn T vay của chị Đinh Thị H để mua lại xe đem về trả cho ông L, quá trình giải quyết vụ án chị H xác định cho T không đề nghị T phải trả lại tiền nên không xem xét.

Bị cáo phải chịu án phí và được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Đinh Văn T (tên gọi khác: C) phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự; Xử phạt Đinh Văn T 09 (Chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu, sung quỹ số tiền 750.000đ (Bảy trăm năm trăm nghìn đồng).

(Vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07 tháng 7 năm 2017 giữa Cơ quan điều tra Công an thị xã Y và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Y)

Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc bị cáo Đinh Văn T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKS TX Y;
- Chi cục THA Y;
- Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- UBND phường Đ;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Thúy